Cơ quan: Trung tâm Thông tin, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Tỉnh Thái Nguyên
Email: portal@thainguyen.gov.vn
Thời gian ký: 22.03.2021 14:53:01 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2021/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và

công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử

dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021 và thay thế Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trịnh Việt Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên*)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh), bao gồm: Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức và hoạt động của các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thẩm định kinh phí; phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thanh tra, kiểm tra, đánh giá và xử lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nghiệm thu kết quả; đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả; thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học; công bố và ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, chủ trì thực hiện, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Giải thích một số thuật ngữ trong văn bản

Trong văn bản này, một số thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội, giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh và có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Các hình thức của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Đề án khoa học cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh.

b) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm trên địa bàn tỉnh.

c) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

d) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

đ) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng là nhiệm vụ khoa học và công nghệ tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của tỉnh.

3. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là các yêu cầu đặt ra dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và

phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh do các tổ chức, cá nhân đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đặt hàng cho tổ chức, cá nhân thực hiện.

4. Các thuật ngữ khác không nêu tại văn bản này được hiểu thống nhất theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 3. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ cấp và được ghi như sau: Tên loại hình nhiệm vụ/lĩnh vực khoa học/số thứ tự/năm bắt đầu thực hiện. Trong đó:

Tên loại hình nhiệm vụ: ĐT (đề tài), ĐA (đề án), DA (dự án), DASXTN (dự án sản xuất thử nghiệm), NVKHCN (nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

Lĩnh vực khoa học: Viết tắt tên lĩnh vực khoa học và công nghệ của mã cấp 1 theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ (ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ), gồm: TN (tự nhiên), KTCN (kỹ thuật và công nghệ), YD (y, dược), NN (nông nghiệp), XH (xã hội), NV (nhân văn).

Số thứ tự: Được tính theo năm.

Điều 4. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quá 24 tháng; riêng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, y tế được triển khai không quá 36 tháng; các trường hợp đặc biệt khác Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính từ khi ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học đến khi được Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nghiệm thu.

Điều 5. Quy trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Đánh giá thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện; thẩm định kinh phí thực hiện.

4. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Ký kết hợp đồng thực hiện, điều chỉnh, xử lý trong quá trình thực hiện hợp đồng.

6. Chế độ báo cáo, kiểm tra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

8. Thu thập thông tin, đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả, công bố và chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

10. Thanh lý hợp đồng.

11. Quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương II
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung:

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi của tỉnh.

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ của tỉnh (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và

công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài cấp tỉnh:

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: Có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở tỉnh; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng.

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại tỉnh hoặc trong nước thông qua các công bố trong nước, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh:

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm khoa học và công nghệ cấp tỉnh trở lên đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

4. Yêu cầu riêng đối với đề án khoa học cấp tỉnh: Kết quả nghiên cứu là những đề xuất, quy trình với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

5. Yêu cầu riêng đối với dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

c) Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước.

6. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên xem xét:

a) Có tính cấp thiết và các kết quả tạo ra phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương.

b) Các kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh, ngành, địa phương.

c) Các kết quả nghiên cứu có sự ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế xã hội hoặc thúc đẩy phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của ngành, địa phương.

d) Các vấn đề khoa học có huy động thêm nguồn lực khoa học và công nghệ (nhân lực, nguồn lực tài chính, năng lực tổ chức nghiên cứu) ngoài kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

đ) Có đơn vị cam kết ứng dụng sản phẩm. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách có hiệu quả sản phẩm tạo ra.

Điều 7. Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh, hằng năm Sở Khoa học và Công nghệ thông báo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, phân loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đăng ký, đề xuất đặt hàng.

3. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để tư vấn lựa chọn danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Thành phần của Hội đồng: Có từ 7 đến 11 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác. Thành viên của Hội đồng là các nhà khoa học thuộc lĩnh vực khoa học có liên quan, các cán bộ quản lý có kinh nghiệm, trong đó có ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong Hội đồng làm phản biện.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng: Tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Thẩm quyền thành lập Hội đồng: Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền) và 02 ủy viên phản biện và thư ký khoa học của Hội đồng.

b) Thành viên Hội đồng tư vấn có trách nhiệm nghiên cứu trước tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng (Mẫu Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước).

c) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

d) Trên cơ sở kết quả phiếu đánh giá của các thành viên, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng tư vấn đề nghị đưa vào danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu "đề nghị thực hiện".

Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc mời chuyên gia cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ; biểu quyết để sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng.

đ) Đối với các nhiệm vụ đề nghị “không thực hiện”, Hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không thực hiện.

e) Thư ký lập biên bản làm việc của Hội đồng (Mẫu biên bản vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN).

5. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Căn cứ kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm: Tên nhiệm vụ, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp, mục tiêu, nội dung chính, sản phẩm của nhiệm vụ.

Chương III
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 8. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước đây.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn tới bị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được đăng ký tuyển

chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 01 năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và có kinh nghiệm hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ từ 03 năm trở lên, tính đến thời điểm nộp thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu có liên quan.

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tại thời điểm nộp thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ vẫn đang làm chủ nhiệm từ 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trở lên.

b) Tại thời điểm nộp thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá nghiệm thu ở mức "Không đạt" sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn đến bị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tổ chức thực hiện theo phương thức tuyển chọn

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện phải được tổ chức thực hiện theo phương thức tuyển chọn.

2. Trong thời gian 10 ngày làm việc sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố công khai trên website của Sở hoặc các phương tiện truyền thông khác các nội dung: Tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân gửi thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu có liên quan để đăng ký tham gia tuyển chọn trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày công bố.

3. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp và thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tổ chức thực hiện theo phương thức giao trực tiếp

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng; nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất; nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ có một tổ chức đơn vị có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

2. Trên cơ sở danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức giao trực tiếp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở

Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố công khai trên website của Sở hoặc các phương tiện truyền thông khác các nội dung: Tên nhiệm vụ, cơ quan chủ trì nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được.

3. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ nộp thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu có liên quan theo quy định.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thẩm định thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Điều 11. Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ thành lập Hội đồng riêng. Các Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Thành phần của Hội đồng: Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ) và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký Hội đồng. Thành viên Hội đồng là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đại diện của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có liên quan.

Người đứng đầu tổ chức và cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn (hoặc giao trực tiếp) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Phiên họp Hội đồng phải được tổ chức chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xác nhận là hợp lệ (theo ngày ghi trong Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

b) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng, trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền chủ trì phiên họp.

c) Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá độc lập, trung thực, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Hội đồng đánh giá, chấm điểm độc lập từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm quy định. Các nhóm tiêu chí đánh giá theo thang điểm tối đa 100 điểm. Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

đ) Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên; trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm). Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn. Đối với các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà

nước bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.

- Được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt (trong đó có ít nhất 01 ủy viên phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

e) Hội đồng kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp:

- Những điểm cần loại bỏ, sửa đổi, bổ sung trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

- Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện.

- Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

g) Thư ký khoa học ghi và hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng theo mẫu quy định.

h) Hội đồng thông qua Biên bản họp Hội đồng.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo kết quả gửi các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi họp Hội đồng và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành thẩm định kinh phí.

Chương IV
THẨM ĐỊNH KINH PHÍ, PHƯƠNG THỨC KHOÁN CHI VÀ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Thẩm định kinh phí

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập tổ thẩm định kinh phí đối với từng nhiệm vụ đã được Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp nhất trí thông qua Thuyết minh. Thành phần tổ thẩm định gồm có tổ trưởng và các ủy viên là những cán bộ có liên quan của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính. Trong trường hợp cần thiết có thể mời thêm chuyên gia, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ tham dự và giải trình.

2. Định mức chi, dự toán chi cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán và hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên và các quy định hiện hành khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ và trách nhiệm của tổ thẩm định kinh phí:

a) Nhiệm vụ: Rà soát dự toán các nội dung chi theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được xét duyệt; thảo luận, thống nhất, tổng hợp kết quả thẩm định và lập biên bản thẩm định kinh phí theo quy định.

b) Trách nhiệm: Các thành viên trong tổ thẩm định chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tính chính xác và tính hợp lý của kết quả thẩm định; chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của mình; giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

Điều 13. Phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Khoán chi thực hiện nhiệm vụ là giao quyền tự chủ tài chính cho tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ trong việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền giao khoán, gắn với trách nhiệm về các kết quả của nhiệm vụ được giao đúng mục tiêu, yêu cầu; đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Nhiệm vụ được khoán chi theo một trong hai phương thức sau:

a) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

b) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần.

3. Điều kiện khoán chi, nội dung khoán chi, các yêu cầu của khoán chi được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 14. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Biên bản xét duyệt của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Biên bản thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Báo cáo tóm tắt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Dự thảo quyết định.

2. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Nội dung phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Tên nhiệm vụ; cơ quan chủ trì nhiệm vụ; thời gian thực hiện nhiệm vụ; kinh phí thực hiện nhiệm vụ (tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ; nguồn kinh phí thực hiện; kinh phí khoán chi; kinh phí không khoán chi).

Điều 15. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì được chủ động quyết định:

a) Điều chỉnh nội dung đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình.

b) Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau: Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục; bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề

nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế); chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 06 tháng; chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao; chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác. Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định này.

c) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu để đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế.

d) Điều chỉnh dự toán kinh phí từng phần trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.

Việc điều chỉnh các nội dung tại khoản 1 Điều này được tổ chức chủ trì quyết định sau khi thống nhất với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định:

a) Điều chỉnh dự toán các khoản kinh phí trong tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

b) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ: Việc gia hạn thời gian chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

c) Điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước và không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu đã được phê duyệt.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh:

a) Tổ chức chủ trì.

b) Tên của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, bao gồm: Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ; kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; kinh phí đối ứng của đơn vị chủ trì.

d) Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với các trường hợp không thuộc điểm b khoản 2 Điều này).

Chương V
HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Phê duyệt thuyết minh và ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh, ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những phát sinh liên quan đến nội dung của hợp đồng thì Sở Khoa học và Công nghệ ký kết phụ lục hợp đồng với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng các quy định hiện hành. Các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh là một bộ phận của hợp đồng.

Điều 17. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được áp dụng theo một trong những trường hợp sau:

a) Đề xuất của chủ nhiệm nhiệm vụ, tổ chức chủ trì hoặc ý kiến của cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì (nếu có) về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng trong các trường hợp: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ gặp các trường hợp

bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn) và các trường hợp khách quan khác dẫn đến không thể hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

b) Khi có sự vi phạm hợp đồng: Các điều kiện theo hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.

c) Khi có căn cứ minh chứng chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu.

d) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

đ) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.

2. Thẩm quyền chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng theo điều khoản đã ký giữa các bên và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Xử lý tài chính khi chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa triển khai thì không cấp kinh phí và thông báo hủy hợp đồng.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã cấp kinh phí nhưng không triển khai thực hiện thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài

chính thống nhất kiểm tra, đánh giá, lập biên bản và thu hồi toàn bộ kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp cho đơn vị thực hiện.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã triển khai thực hiện, đã được cấp kinh phí nhưng không hoàn thành:

a) Tổ chức chủ trì thực hiện lập báo cáo gửi Sở Khoa học và Công nghệ gồm: Báo cáo chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nội dung đã thực hiện và kinh phí sử dụng); xác định rõ các nguyên nhân chủ quan, khách quan; trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân; đề xuất phương án xử lý.

b) Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan kiểm tra, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân dẫn đến nhiệm vụ không hoàn thành.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thống nhất phương án thu hồi, mức thu hồi kinh phí, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. Phương án và mức thu hồi kinh phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC.

Điều 19. Thanh toán, tạm ứng, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc thanh toán, tạm ứng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC.

2. Quyết toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nghiệm thu, đánh giá.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

Mọi tranh chấp về hợp đồng khoa học và công nghệ được giải quyết trước hết theo nguyên tắc hoà giải, thoả thuận giữa hai bên; các bên không tự giải quyết được thì giải quyết tại tòa án theo quy định của pháp luật.

Chương VI
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, THANH TRA VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 21. Chế độ báo cáo, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chế độ báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ: Theo tiến độ thực hiện đã được phê duyệt trong thuyết minh đề cương nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo 06 tháng một lần (về nội dung, tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí) với Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, quản lý.

Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực hiện việc báo cáo tiến độ từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

b) Báo cáo đột xuất: Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra:

a) Kiểm tra việc thực hiện nội dung các nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Định kỳ 06 tháng và hết năm (hoặc đột xuất trong trường hợp cần thiết), Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tình hình sử dụng nguồn kinh phí. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm các chuyên gia để tư vấn cho việc đánh giá chất lượng công việc đã thực hiện.

- Kết quả kiểm tra được lập biên bản và xử lý theo quy định khi phát hiện các vi phạm.

b) Thanh tra nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu sự thanh tra định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Sau khi có kết quả thanh tra, kiểm tra, trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ chủ động giải quyết hoặc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung nhiệm vụ cho phù hợp với thực tiễn hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 22. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trước thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn (nếu có), tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm nộp báo cáo kết quả thực hiện và các tài liệu có liên quan cho Sở Khoa học và Công nghệ để phục vụ việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định. Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cụ thể về báo cáo kết quả thực hiện và các tài liệu liên quan để phục vụ nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành.

2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đảm bảo được nội dung, kết cấu, hình thức theo quy định.

Chương VII
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 23. Đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc đánh giá nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiến hành như sau:

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 24. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Thủ trưởng tổ chức chủ trì ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần) và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký Hội đồng. Thành viên của Hội đồng là những người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các thành viên tham gia Ban chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia Hội đồng này.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá kết quả: Thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nội dung đánh giá gồm:

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

b) Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp

- Tổng quan được các kết quả nghiên cứu có liên quan đến nhiệm vụ.

- Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.

- Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và logic khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

c) Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đối với sản phẩm là: Mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

- Đối với sản phẩm là: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập.

- Đối với sản phẩm là: Kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

4. Kết quả tự đánh giá, xếp loại theo các mức: "Đạt" hoặc “Không đạt”.

Hồ sơ được Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở đánh giá xếp loại “Đạt” thì mới tiến hành nghiệm thu cấp tỉnh.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá là “Không đạt”, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nêu rõ lý do và đề nghị nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiếp tục hoàn thiện hoặc báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ để xử lý.

Điều 25. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện và các tài liệu có liên quan hợp lệ theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm

thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành.

2. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

b) Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký Hội đồng. Thành viên Hội đồng là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đại diện của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có liên quan. Cá nhân làm việc tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thể tham gia hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học. Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được tham gia Hội đồng.

Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện tổ chức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ, cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp tham dự phiên họp của Hội đồng.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng, trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền chủ trì phiên họp.

b) Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá độc lập, trung thực, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Hội đồng đánh giá theo tiêu chí trong phiếu đánh giá (Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước) và bỏ phiếu xếp loại theo các mức: "Xuất sắc", "Đạt", "Không đạt";

Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại "Không đạt", Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân "Không đạt" (chủ quan, khách quan). Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

d) Biên bản họp kết luận của Hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm:

a) Về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực, hệ thống của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn). Yêu cầu:

- Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ.

- Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.

- Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và khoa học, phản ánh trung thực kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Về sản phẩm của nhiệm vụ so với yêu cầu đặt hàng: Cần báo cáo rõ số lượng, khối lượng sản phẩm, chất lượng sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

- Đối với sản phẩm là: Mẫu, vật liệu, thiết bị, máy móc, dây truyền công nghệ, giống cây trồng, giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo đếm được cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

- Đối với sản phẩm là: Nguyên lý ứng dụng, phương pháp, tiêu chuẩn, phần mềm máy tính, bản vẽ thiết kế, quy trình công nghệ, sơ đồ, bản đồ, số liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo phân tích, tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,…); đề án, quy hoạch, luận chứng kinh tế kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Cơ cấu của hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia gồm từ 03 đến 05 thành viên; thành phần gồm đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, các nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các thành viên Ban chủ nhiệm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được tham gia hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia.

- Đối với sản phẩm là kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế cần có văn bản xác nhận của cơ quan có chức năng phù hợp.

5. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu có liên quan để nghiệm thu chậm so với quy định tại Điều 22 quy định này mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì khi đánh giá xếp loại bị hạ một mức so với mức được hội đồng đánh giá.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá là "Không đạt", Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 Quy định này.

Chương VIII
THU THẬP THÔNG TIN, ĐĂNG KÝ, LƯU TRỮ, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ, CÔNG BỐ VÀ CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 26. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được ký kết, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh theo các quy định hiện hành.

2. Thông tin về mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước được đưa vào 01 phiếu thông tin, bao gồm các nội dung sau:

a) Tên nhiệm vụ; mã số nhiệm vụ (nếu có).

b) Thông tin về tổ chức chủ trì nhiệm vụ, cơ quan chủ quản.

c) Họ và tên cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia chính.

d) Thông tin về tổ chức phối hợp triển khai nhiệm vụ.

đ) Mục tiêu và nội dung chính của nhiệm vụ.

e) Lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu kinh tế xã hội của nhiệm vụ.

g) Phương pháp nghiên cứu.

h) Kết quả dự kiến.

i) Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến.

k) Thời gian dự kiến bắt đầu; thời gian dự kiến kết thúc.

l) Kinh phí thực hiện được phê duyệt.

Điều 27. Giao nộp sản phẩm, đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Giao Trung tâm Phát triển khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ) là tổ chức thực hiện chức năng đầu mối cấp Giấy chứng nhận đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh.

2. Việc giao nộp sản phẩm, đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Trường hợp không đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì bị xử phạt về vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật liên quan khác.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp đầy đủ các tài liệu gồm:

a) Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.

c) Biên bản thanh lý Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 28. Công bố và sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu; giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Việc công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Báo chí và Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN.

a) Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu khai thác, sử dụng kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, liên hệ với Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn cụ thể.

b) Việc khai thác, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải tuân thủ quy định đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hiện hành.

c) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản các văn bản, tài liệu, hồ sơ đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; công bố danh mục kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu theo

quy định hiện hành; đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

d) Sở Khoa học và Công nghệ công bố và đăng tải thông tin về kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên website của sở hoặc các phương tiện truyền thông khác; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan tuyên truyền kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trừ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quản lý theo chế độ mật).

2. Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

a) Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IX
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN ĐƯỢC HÌNH THÀNH THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 29. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách cấp là tài sản công. Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ là tài sản đồng sở hữu; việc quản lý, sử dụng tài sản thực hiện theo hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các bên còn lại và thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phải đảm bảo chặt chẽ, có hiệu quả, công khai, minh bạch.

Điều 30. Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP, Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP, Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN.

Chương X
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra sản phẩm theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng nội dung, tiến độ theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

3. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực tài chính cần thiết để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng tiến độ trong hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký.

4. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

5. Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, giao nộp sản phẩm, thanh quyết toán tài chính, lưu giữ sổ sách và chứng từ kế toán, nghiệm thu kết quả và thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ theo quy định.

6. Bảo mật các nội dung, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật.

7. Công khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 32. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xây dựng, trình duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nội dung đã được phê duyệt. Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn kết quả thực hiện, tiến độ sử dụng kinh phí và chịu trách nhiệm về số liệu chi tiết quyết toán kinh phí thực hiện với tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý.

2. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện, tính chính xác, độ tin cậy của số liệu, nguồn trích dẫn của tài liệu và việc khai thác, sử dụng các nguồn thông tin, tư liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cũng như việc lưu giữ, công bố, giao nộp và bảo mật các thông tin, tài liệu, sản phẩm nghiên cứu có liên quan tới bí mật quốc gia theo quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý của chứng từ chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định và được hưởng quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu và dịch vụ chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

4. Cùng với tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm pháp lý về kinh phí thu hồi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

Điều 33. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về toàn bộ công tác tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức khoa học và công nghệ và cá nhân trong và ngoài tỉnh đăng ký thực hiện hoặc đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hằng năm.

3. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch ngân sách khoa học công nghệ hằng năm theo các quy định hiện hành.

4. Tổ chức ban hành và hướng dẫn thực hiện thống nhất các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành.

5. Tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh, dự toán kinh phí, ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo các quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về khoa học và công nghệ; báo cáo đầy đủ, trung thực số liệu thống kê về khoa học và công nghệ với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Thanh tra, kiểm tra định kỳ và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện, khối lượng công việc hoàn thành và sử dụng kinh phí. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về khoa học và công nghệ theo thẩm quyền.

8. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các sở, ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ

Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai trên địa bàn tỉnh.

9. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong việc đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thành tích trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 34. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo lồng ghép các nhiệm vụ thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh với nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm của sở, ngành, địa phương; chịu trách nhiệm việc nhân rộng kết quả nghiên cứu của đơn vị trực thuộc vào sản xuất và đời sống.

2. Tổng hợp và báo cáo kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã thực hiện trong năm; đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm tiếp theo với Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan chủ trì là đơn vị trực thuộc.

4. Tạo mọi điều kiện thuận lợi về hành chính và tổ chức, huy động các phương tiện vật chất kỹ thuật cần thiết để cung cấp kịp thời cho tổ chức chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai các nội dung theo đúng tiến độ quy định.

5. Tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

Điều 35. Trách nhiệm của thành viên các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Thành viên các Hội đồng có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét về nhiệm vụ theo yêu cầu trên phiếu nhận xét về Sở Khoa học và Công nghệ trước khi tổ chức họp Hội đồng.

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc nhận xét, đánh giá.

c) Nhận xét, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền, ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm sau:

a) Báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá của Hội đồng theo yêu cầu của cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

3. Thư ký khoa học ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng.

Chương XI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xét và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ vi phạm Quy định này sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã được nghiệm thu trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện quyết toán,

thanh lý hợp đồng thì thực hiện theo Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã ký kết.

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.